TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH V**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án:62/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 9 năm 2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Minh Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Nhất

2. Ông Nguyễn Anh Tiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Khương Thị Phượng, Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyên L, tỉnh V tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Ng- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 1993, có mặt

Nơi cư trú: Thôn Gi, xã X, huyện L, tỉnh V.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1991, vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 7 năm 2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Th trình bày: chị kết hôn với anh Nguyễn Văn D 05/10/2012, có đăng ký kết hôn lại tại UBND xã X. Trước khi kết hôn, hai bên có được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Kết hôn xong, chị về gia đình anh D làm dâu và sống chung cùng gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh D chơi bời, lô đề cờ bạc dẫn đến nợ nần chồng chất, gia đình thường xuyên bị người đến đòi nợ, đe dọa, khủng

bố tinh thần. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Chị đã khuyên bảo anh D nhiều lần nhưng anh không thay đổi mà ngày càng sa đà vào những tệ nạn đó hơn. Đến tháng 02/2022, vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau, không còn tiếng nói chung nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Ngoài ra, một phần nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cũng xuất phát từ việc vợ chồng kết hôn đã lâu nhưng không có con chung. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị xác định không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại địa phương và gia đình, mẹ đẻ anh D là bà Nguyễn Thị M trình bày: Năm 2012 gia đình tổ chức kết hôn cho anh D, chị Th. Sau khi kết hôn, chị Th về gia đình bà làm dâu và chung sống cùng. Trong thời gian vợ chồng chung sống cùng gia đình, vợ chồng anh D chị Th có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng kết hôn với nhau 10 năm nhưng không có con nên từ đó vợ chồng lạnh nhạt, không có tình cảm. Anh D bị bạn bè khích bác, rủ rê nên dẫn đến chán nản, chơi bời. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 3/2022 đến nay. Nay chị Th xin ly hôn anh D, về phía gia đình bà cũng nhất trí không có ý kiến gì. Hiện nay, anh D đang đi làm ăn nhưng thường xuyên có mặt ở nhà, các lần Tòa án gửi giấy báo gia đình đều nhận được và đưa lại trực tiếp cho anh D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự: đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, cho chị Th được ly hôn anh D. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Th có yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn D có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh V. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Th đều có mặt, anh D vắng mặt lần 02 tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Th và anh D là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện L, tỉnh V. Theo chị Th, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh D không chăm lo kinh tế gia đình mà thường xuyên chơi bời, cờ bạc lô đề dẫn đến nợ nần, ngoài ra vợ chồng kết hôn đã lâu nhưng không có con chung. Nên từ đó dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Xét đề nghị của chị Th Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng kết hôn đã lâu nhưng không có con chung, anh D không chịu làm ăn mà chơi bời cờ bạc, không quan tâm đến gia đình. Ngoài ra, anh D cố tình vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết việc chị Th có đơn xin ly hôn anh, như vậy phần nào thể hiện anh Dũng không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy, đề nghị xin ly hôn của chị Th là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2]Về con chung: Chị Th xác nhận không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Văn D vắng mặt nên không có lời khai và đề nghị của anh. Khi nào anh có yêu cầu về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích Th. Cho chị Nguyễn Thị Bích Th được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích Th phải chịu 300.000đồng nhưng được trừ số tiền 300.000đồng chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006318 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị Th đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện L;
- THA huyện L;
- UBND xã X;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU

Ngô Thị Minh Hiệp